

Unit 4 Adventure

Điền từ trong khung vào chỗ trống, sau đó nghe và kiểm tra.

TRACK 4

Speaker 1: We had booked an _____ to the beach but chose to _____ into the hills _____, hoping to see some of the _____.

venture	local wildlife	excursion
---------	----------------	-----------

Chúng tôi đã đặt một **chuyến đi ngắn** ra biển nhưng lại chọn **mạo hiểm** lên núi thay vào đó, hy vọng sẽ thấy một số **động vật hoang dã địa phương**.

Speaker 2: Many young people in their _____ seek _____; that's why they come to places like Thailand and Jamaica.

Adventure	twenties
-----------	----------

Nhiều bạn trẻ ở độ **tuổi đôi mươi** tìm kiếm **sự phiêu lưu**; đó là lý do họ đến những nơi như Thái Lan và Jamaica.

Speaker 3: We looked all over the town and _____ found a _____ to _____ us to the nearest village.

Local guide	eventually	accompany
-------------	------------	-----------

Chúng tôi đã tìm khắp thị trấn và **cuối cùng** cũng tìm được một **hướng dẫn viên địa phương** để **đi cùng** đến ngôi làng gần nhất.

Speaker 4: We won't be back _____ the end of August. Because of the _____, we had to _____ our journey for the _____ week.

Following disturbances	until	reschedule
------------------------	-------	------------

Chúng tôi sẽ không quay lại **cho đến** cuối tháng Tám. Vì có **sự gián đoạn**, chúng tôi buộc phải sắp xếp lại chuyến đi sang tuần **sau**.

Speaker 5: I think you'll find your trip down the Amazon quite an adventure. You can _____ to _____ some _____ strange insects in the rainforest.

Encounter	pretty	expect
-----------	--------	--------

Tôi nghĩ chuyến đi xuống sông Amazon của bạn sẽ là một cuộc phiêu lưu thực sự. **Bạn có thể** sẽ **gặp phải** những loài côn trùng **khá** kỳ lạ trong rừng nhiệt đới.

Speaker 6: While _____ around Thailand, I had to learn to _____ by myself. I can't count the _____ I got lost!

Overcome	number of times	backpacking
Khi đi du lịch bụi khắp Thái Lan, tôi đã phải học cách tự mình vượt qua khó khăn. Tôi không thể đếm nổi số lần mình bị lạc!		

Track 05

(who's been doing it for ages - None of us - how to stay safe - spent an afternoon exploring the caves - supplied all the equipment) I had the most amazing adventure last year. I _____ near my village with a group of friends. _____ had ever been caving before, so we went with my friend's brother, _____. He _____ and showed us what to do and _____. (struggle to stay calm - intense experience - was completely wedged in between two sheets of rock - was really narrow in places - continue the journey - was able to work my way free) The route down into the earth _____. It was quite an _____. At one point, I _____. It was a _____. Eventually I _____ and _____. (worked our way - damp and pitch black - the tunnel opened up into - goodness knows how deep – echoes)	Năm ngoái tôi đã có một cuộc phiêu lưu tuyệt vời. Tôi dành một buổi chiều để khám phá những hang động gần làng cùng nhóm bạn. Không ai trong chúng tôi từng đi thám hiểm hang động trước đó, nên chúng tôi đi cùng anh trai của một người bạn, người đã làm việc này từ lâu. Anh ấy cung cấp toàn bộ thiết bị và chỉ cho chúng tôi cách làm và cách giữ an toàn. Con đường xuống lòng đất ở nhiều chỗ rất hẹp. Đó là một trải nghiệm khá căng thẳng. Có lúc tôi bị kẹt cứng giữa hai tảng đá. Thật khó để giữ bình tĩnh. Cuối cùng tôi cũng thoát ra được và tiếp tục hành trình. Sau một khoảng thời gian tưởng như vô tận, đường hầm mở ra một khoảng không gian khổng lồ dưới lòng đất. Nó ấm ướt và tối đen – đầy tiếng vang và những âm thanh kỳ lạ khác. Tôi nghe thấy tiếng gì đó vỗ cánh nhưng không nhìn thấy. Chúng tôi phải bước đi cẩn
---	---

After what seemed like ages _____ this huge space underground. It was _____ – full of _____ and other strange noises. I could hear something flapping but I couldn't see what it was. We had to tread carefully and hang onto each other as the ground was very uneven and there were pools of water all over the place, _____. We slowly _____ around and back out the way we came in.

(try to overcome my fears - something memorable – suppose - before heading off to university - try to overcome my fears- opportunity)

I _____ I chose to go on this adventure because I needed a challenge. I _____, so this was an _____ to _____. Also, this was the last summer we were going to be together _____, so it was good to do something special, _____.

(friendship is priceless - face your fears – liberating - done it on my own - valuable experience)

I felt really proud of myself at the end of it. It was a _____. I learned that it's really _____ to _____. It also confirmed something that I suppose I've always known: _____! There's no way I could have _____.

thận và bám vào nhau vì mặt đất rất gồ ghề, có những vũng nước khắp nơi, **chẳng ai biết sâu đến đâu**. Chúng tôi từ từ **lần đường** quay lại và ra ngoài theo lối đã vào.

Tôi nghĩ mình chọn cuộc phiêu lưu này vì cần một thử thách. Tôi **thường lo lắng khi ở trong không gian hẹp**, nên đây là **cơ hội để thử vượt qua nỗi sợ**. Ngoài ra, đây cũng là mùa hè cuối cùng chúng tôi ở bên nhau **trước khi vào đại học**, nên thật tuyệt khi làm điều gì đó đặc biệt, **điều gì đó đáng nhớ**.

Cuối cùng tôi cảm thấy rất tự hào về bản thân. Đó là **một trải nghiệm quý giá**. Tôi học được rằng **đối mặt với nỗi sợ** thật sự mang lại cảm giác **tự do**. Nó cũng khẳng định điều mà tôi luôn biết: **tình bạn là vô giá**! Không có cách nào tôi có thể **làm điều đó một mình**.

